CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Cấp nước Hải Phòng

Ngày 31/12/2024	17,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-9.5%	3.0%

DT thuần
Q4/24
331
tỷ VNĐ
QoQ: ▼21.0| -6.0%
YoY: ▲ 39.0| 13.4%

LN thuần
Q4/24
37.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.4| -24.9%
YoY: ▲ 1.90| 5.4%

LN sau thuế
Q4/24
31.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.00| -20.3%
YoY: ▲ 2.70| 9.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
15.2%
YoY: +/-▼ 1.5%

ROE
2024
9.8%
YoY: +/-▲ 1.0%

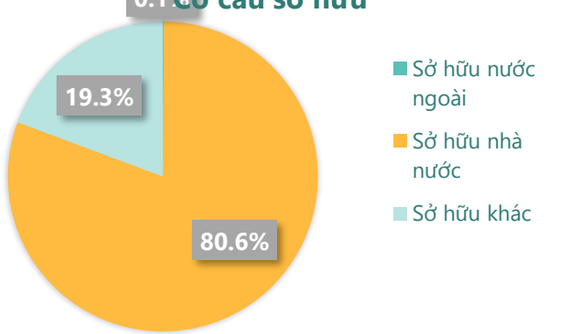
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	14,567 - 22,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,276
Số lượng CPLH (CP)	74,206,940
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,590
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.53
EPS	1,429
P/E	12.0

DT thuần
2024
1,289
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 158| 13.9%

LN thuần
2024
137
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.0| 7.6%

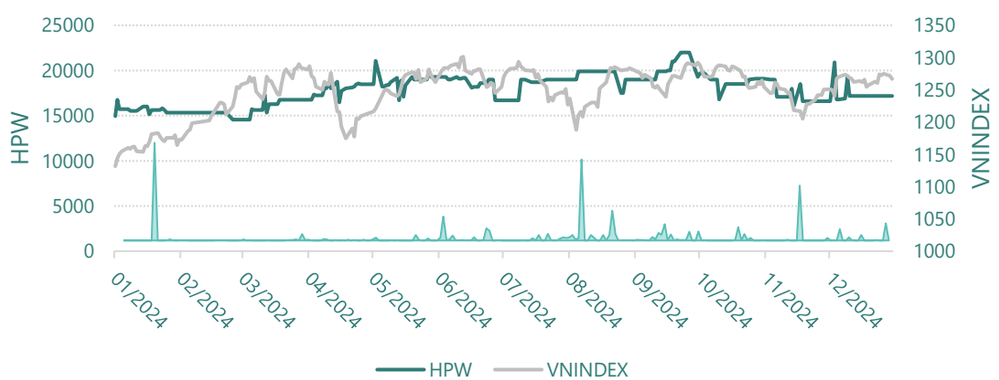
LN sau thuế
2024
111
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.00| 8.4%

Cơ cấu sở hữu

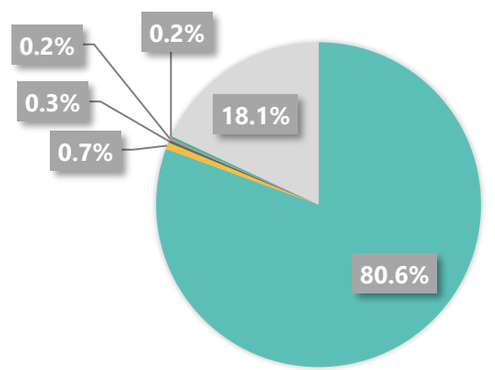


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

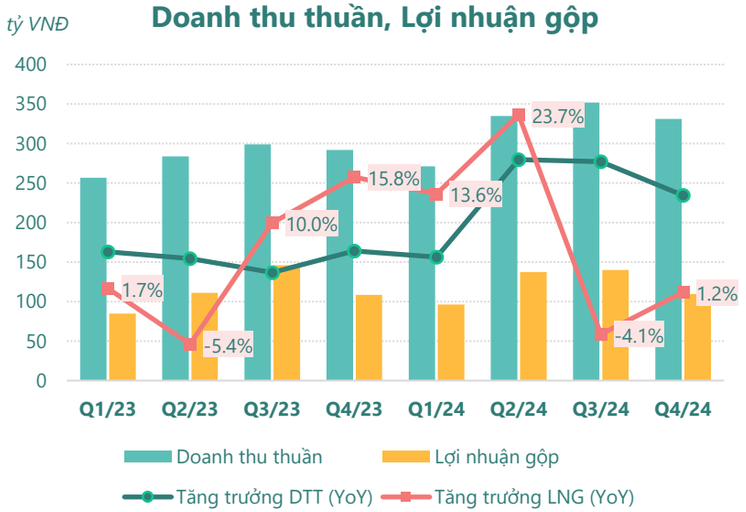




(Nguồn: fireant.vn)

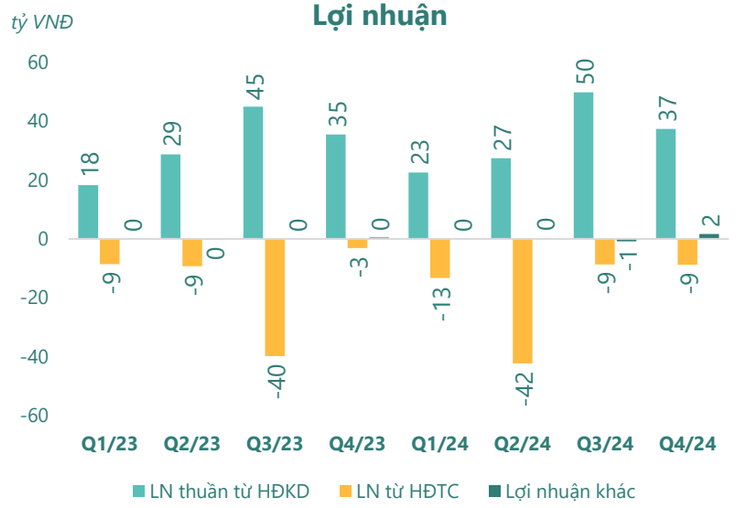
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



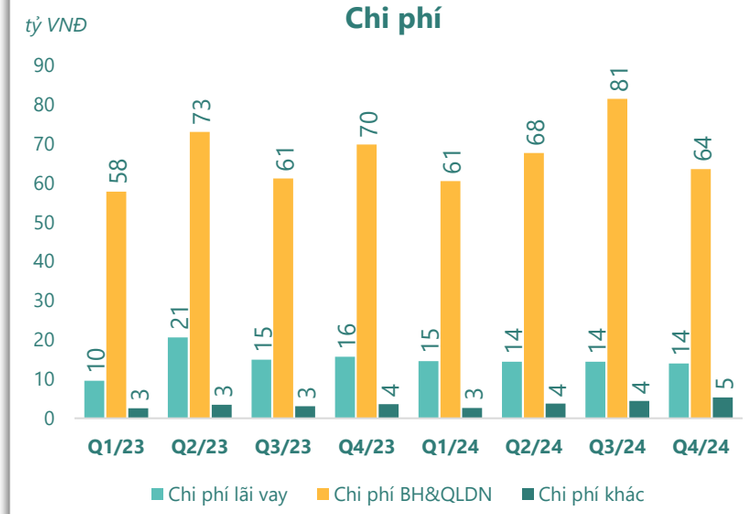
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



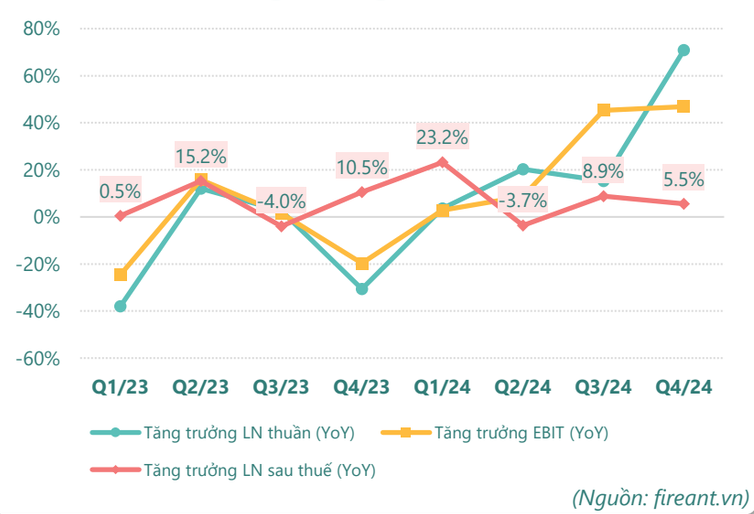
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



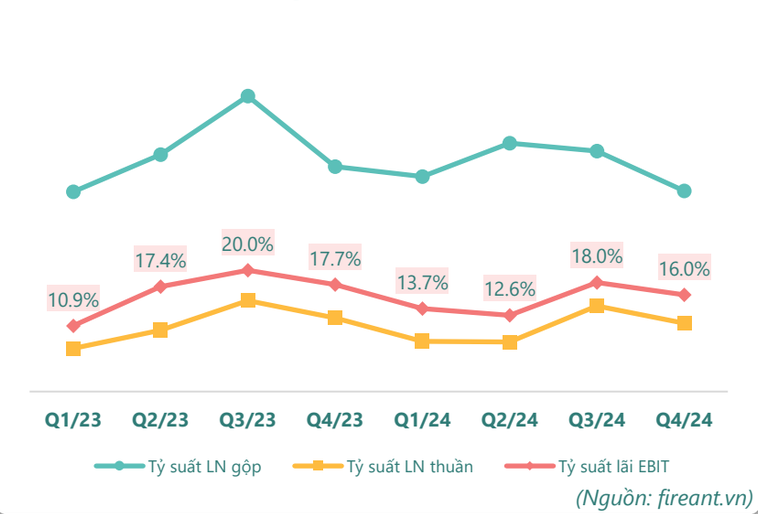
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



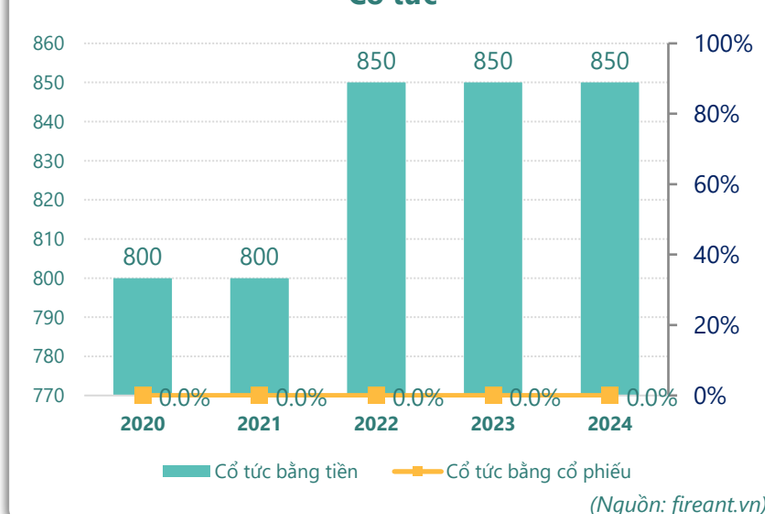
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

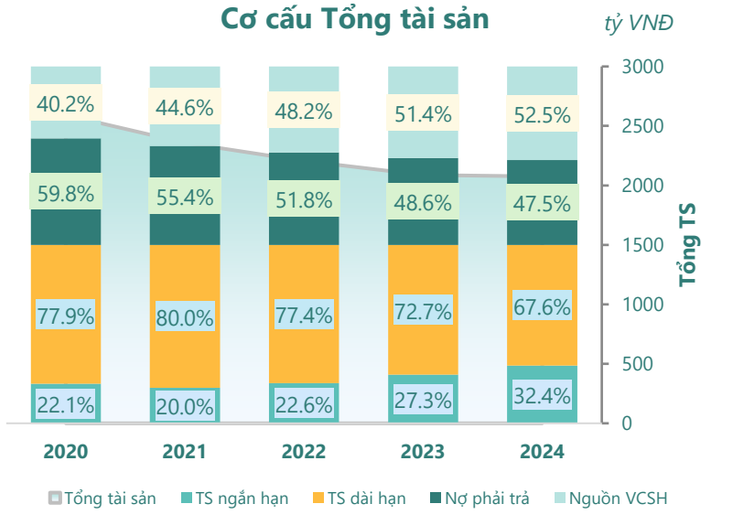
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

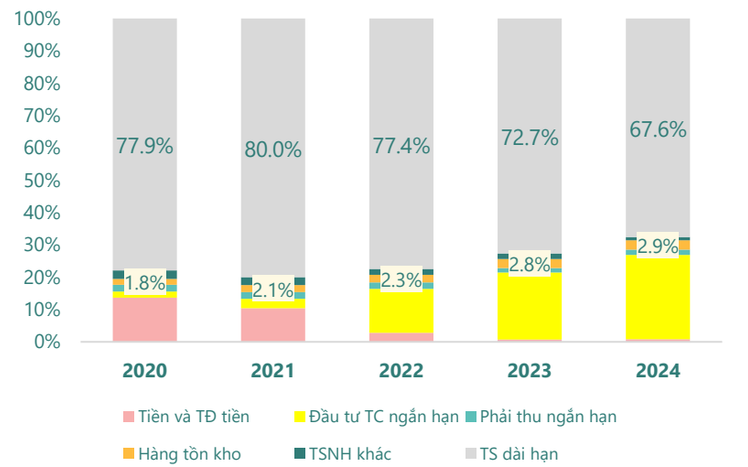
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



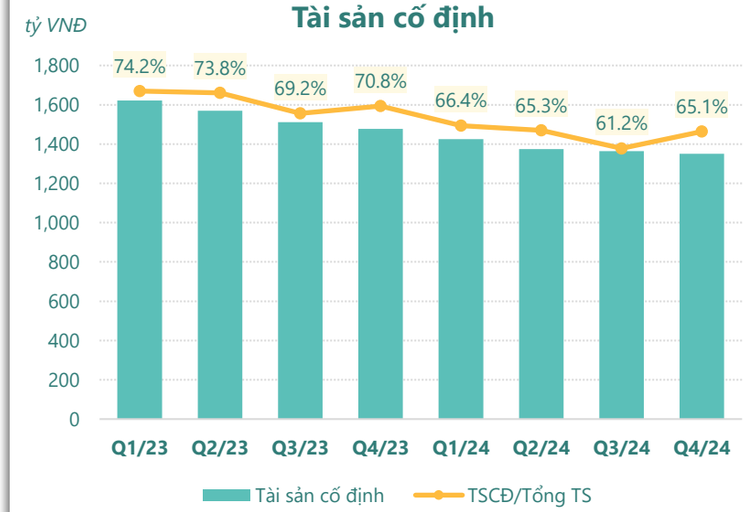
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



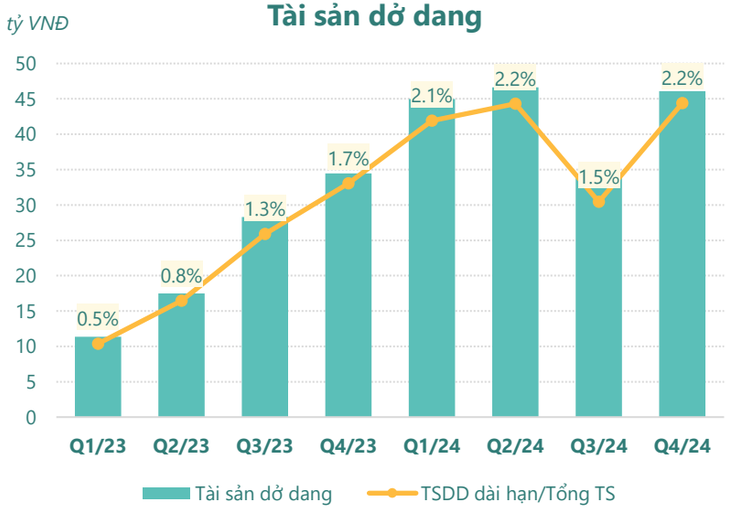
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



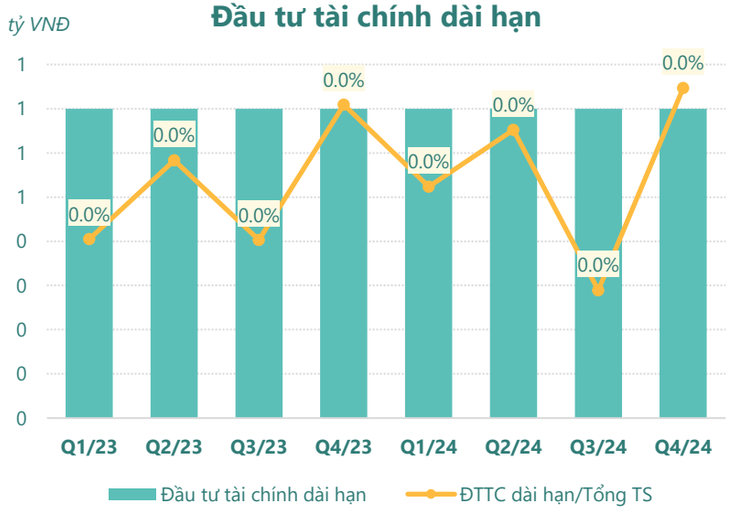
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



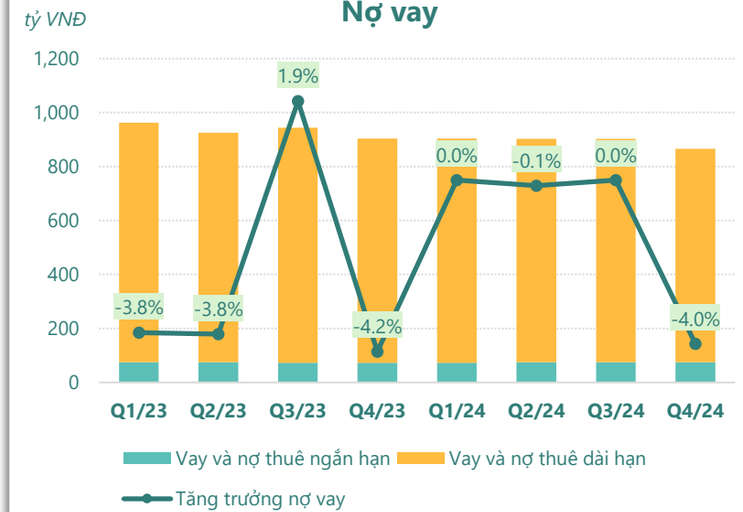
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

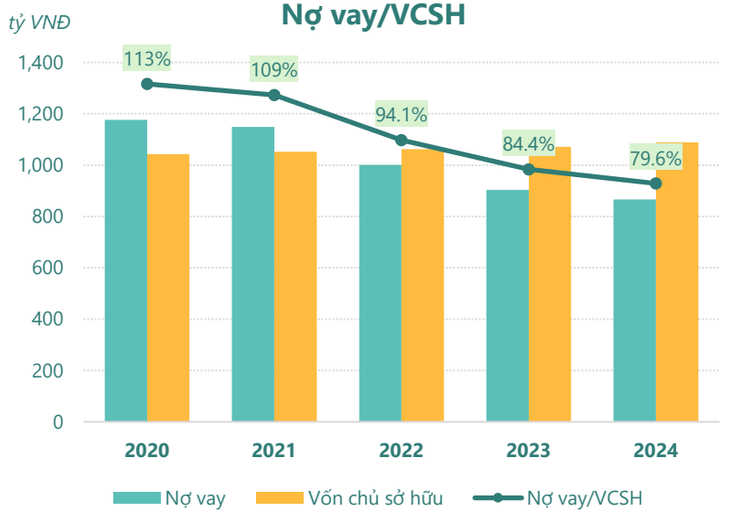
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

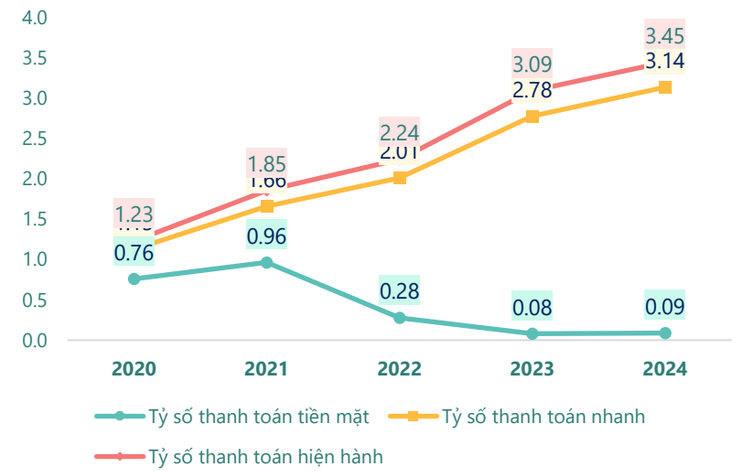
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



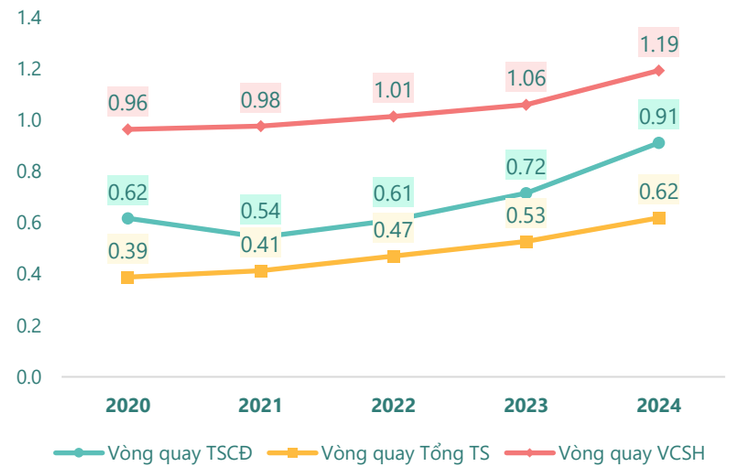
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



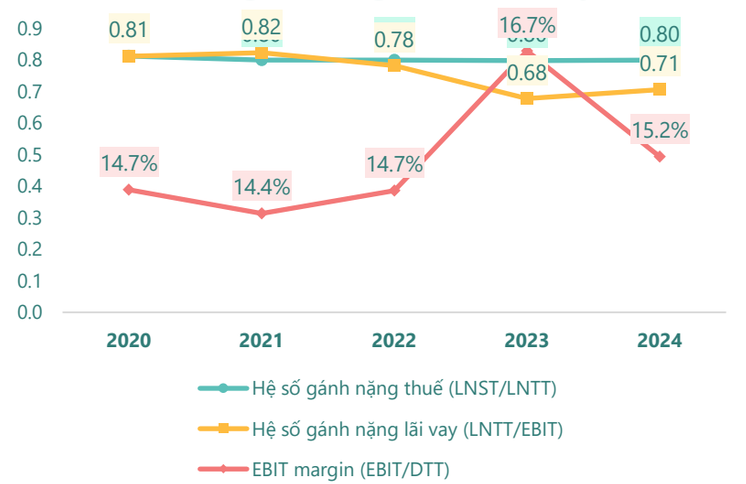
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



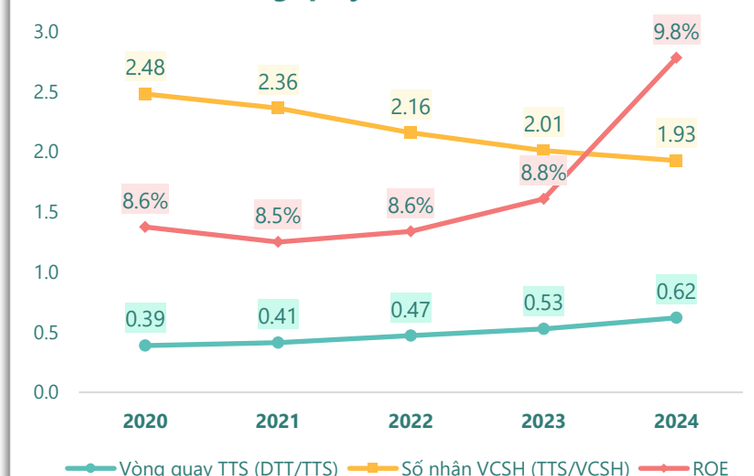
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



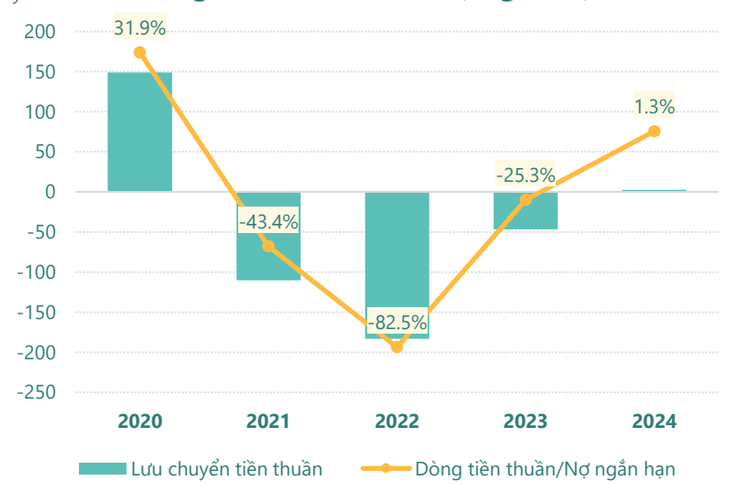
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**331**	**292**	**13.4%**	**1,289**	**1,131**	**13.9%**
Giá vốn hàng bán	221	183	20.9%	805	681	18.3%
Lợi nhuận gộp	110	108	1.6%	484	450	7.4%
Doanh thu HĐTC	7.84	10.2	-23.2%	23.6	26.2	-10.0%
Chi phí TC	16.6	13.3	24.7%	96.6	87.2	10.7%
Chi phí lãi vay	14.0	15.7	-10.9%	57.5	60.8	-5.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	32.1	37.7	-14.9%	156	153	1.9%
Chi phí QLDN	**31.5**	**32.1**	**-1.8%**	**117**	**109**	**8.0%**
LN thuần từ HĐKD	37.4	35.5	5.4%	137	127	7.6%
Lợi nhuận khác	**1.62**	**0.44**	**268%**	**1.12**	**0.46**	**147%**
LN trước thuế	39.0	35.9	8.7%	138	128	8.1%
Lợi nhuận sau thuế	**31.2**	**28.5**	**9.6%**	**111**	**102**	**8.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**31.2**	**28.5**	**9.6%**	**106**	**94.3**	**12.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	141	-18.9	114	107	157	-42.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-99.3	14.8	-43.3	-67.3	-153	75.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.90	-36.9	0	-106	0	-39.1
Tiền đầu kỳ	24.0	55.7	14.8	85.5	19.0	22.5
Lưu chuyển tiền thuần	**31.7**	**-40.9**	**70.7**	**-66.5**	**3.47**	**-5.17**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	55.7	14.8	85.5	19.0	22.5	17.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,075**	**2,087**	**-0.6%**
Tài sản ngắn hạn	673	570	18.0%
Tiền và tương đương tiền	17.3	14.8	17.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	540	433	24.7%
Phải thu ngắn hạn	34.8	29.3	18.9%
Hàng tồn kho	60.6	57.9	4.6%
Tài sản ngắn hạn khác	20.6	35.5	-42.0%
Tài sản dài hạn	**1,402**	**1,517**	**-7.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,350	1,477	-8.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	46.1	34.6	33.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.70	0.70	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**4.99**	**3.90**	**27.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	987	1,015	-2.8%
Nợ ngắn hạn	**195**	**184**	**5.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	75.0	73.3	2.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.8	11.9	91.3%
Nợ dài hạn	791	831	-4.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	791	831	-4.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,088**	**1,072**	**1.6%**
Vốn chủ sở hữu	**1,088**	**1,072**	**1.6%**
Vốn điều lệ	742	742	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)